

Bản án số: 282/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Hữu Tâm.
2. Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 617/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Ngọc B**, sinh năm: 1990. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Số 27/3 ấp LA, xã LT, huyện CT, tỉnh LA.
2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm: 1984. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: C15/10A Đinh Đức Thiện, ấp 3, xã BC, huyện BC, TP H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai ghi ngày 11/6/2018 và tại buổi hòa giải trong các ngày 11/6/2018, ngày 19/9/2018, nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc B trình bày: Bà B và ông H bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2009 do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện CT, tỉnh LA vào ngày 17/9/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường không phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng mới bắt đầu phát sinh, nguyên nhân là do hai vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống. Do vợ chồng chung sống không hòa hợp nên từ tháng 4 năm 2017 đến nay bà B về quê sống chung với mẹ ruột và hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Bà B và ông H chung sống với nhau có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Huỳnh Hữu N; sinh ngày 09/8/2010; giới tính: nam. Khi ly hôn, bà B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ N và bà B không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà B xác nhận không có.

Về nợ chung: Bà B xác nhận không có.

Bà B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ghi ngày 08/6/2018 và tại buổi hòa giải trong các ngày 11/6/2018, ngày 19/9/2018, bị đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày: Ông H và bà B bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2009 do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện CT, tỉnh LA vào ngày 17/9/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường không phát sinh mâu thuẫn. Đến đầu năm 2017 thì bà B bỏ về quê sống chung với mẹ ruột và ông H cũng không biết lý do vợ chồng mâu thuẫn như thế nào mà bà B nộp đơn xin ly hôn với ông H. Nhận thấy tình cảm vợ chồng còn có thể hàn gắn được nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông H và bà B được đoàn tụ.

Về con chung: Ông H và bà B chung sống với nhau có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Huỳnh Hữu N; sinh ngày 09/8/2010; giới tính: nam. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì ông H cũng đồng ý giao trẻ N cho bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông H xác nhận không có.

Về nợ chung: Ông H xác nhận không có.

Ông H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Huỳnh Ngọc B nộp đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H. Ông Nguyễn Ngọc H cư trú tại địa chỉ C15/10A Đinh Đức Thiện, ấp 3, xã BC, huyện BC, TP H Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BC, TP H

[2] Bà Huỳnh Ngọc B và ông Nguyễn Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà B và ông Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 273/2010 do Ủy ban nhân dân xã LT, huyện CT, tỉnh LA cấp ngày 17/9/2010 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Ngọc B và ông Nguyễn Ngọc H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà B yêu cầu được ly hôn với ông H để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của bà B hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà B và ông H thì quan hệ vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2017. Do vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên từ đầu năm 2017 đến nay bà B và ông H không còn chung sống với

nhau nữa. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại công văn trả lời xác minh tình trạng hôn nhân số 309/UBND ngày 06/8/2018 của Ủy ban nhân dân xã BC, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Qua rà soát, Ủy ban nhân dân xã BC chưa tiếp nhận thông tin tổ chức hòa giải mâu thuẫn về hôn nhân giữa bà B và ông H nên không thể cung cấp thông tin theo đề nghị của Tòa án nhân dân huyện BC được.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông H cho rằng vợ chồng vẫn có thể hàn gắn được tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ. Tuy nhiên ông H không đưa ra được phương thức để hàn gắn tình cảm vợ chồng và ông H xác nhận bản thân ông cũng không biết lý do gì từ đầu năm 2017 đến nay bà B đã bỏ về quê sống chung với mẹ ruột. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Ngọc B đối với ông Nguyễn Ngọc H.

[4] Về con chung: Bà Huỳnh Ngọc B và ông Nguyễn Ngọc H đều xác nhận vợ chồng có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Huỳnh Hữu N; sinh ngày 09/8/2010; giới tính: nam.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của trẻ N và trẻ N có nguyện vọng được sống chung với bà B.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà B và ông H đều thống nhất sau khi ly hôn thì bà B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ N và bà B không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Do bà B và ông H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Do bà B và ông H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Huỳnh Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Ngọc B đối với ông Nguyễn Ngọc H.

Bà Huỳnh Ngọc B được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H. Giấy chứng nhận kết hôn số 273/2010 do Ủy ban nhân dân xã LT, huyện CT, tỉnh LA cấp ngày 17/9/2010 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Huỳnh Hữu N; sinh ngày 09/8/2010; giới tính: nam cho bà Huỳnh Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn N vụ cấp dưỡng nuôi trẻ N đối với ông Nguyễn Ngọc H.

Ông Nguyễn Ngọc H có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Ngọc B và ông Nguyễn Ngọc H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Huỳnh Ngọc B và ông Nguyễn Ngọc H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Ngọc B chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà B đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0005051 ngày 21/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BC, TP H. Bà B đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- UBND xã LT, huyện CT, tỉnh LA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Trọng Hưng